

Bản án số: 181/2023/HS-PT

Ngày: 28-9-2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

*Các Thẩm phán:* Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Phương Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 158/2023/TLPT-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Thị Trúc L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2023/HS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị cáo có kháng cáo:** **Phạm Thị Trúc L**, sinh ngày 16/9/1990 tại tỉnh Đồng Tháp; tên gọi khác: P; nơi đăng ký HKTT: ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Nhà cho thuê trọ tháng số A đường Đ, Khu phố C, Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L1 (1954) và bà Nguyễn Thị X (1962); bị cáo sống chung như vợ chồng với Lê Vi T ngụ huyện T, tỉnh Long An (đã chia tay năm 2014) và có 01 người con (2011); tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/9/2022. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị hại và 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; bản án không bị kháng nghị.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, Phạm Thị Trúc L với thủ đoạn gian dối hứa trả hộ tiền vay ngân hàng rồi nhận lại tiền trả hàng tháng, tự ý bán nhà không thuộc quyền sở hữu của mình, đưa thông tin đặt làm Giấy chứng minh

nhân dân, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả rồi sử dụng các tài liệu này đưa cho bị hại để củng cố lòng tin nhằm tiếp tục chiếm đoạt tiền. Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến ngày 28/8/2021, L đã nhiều lần chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị Bạch M tổng số tiền 256.500.000 đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Năm 2019, Phạm Thị Trúc L quen biết với bà Nguyễn Thị G do làm chung tại quán ăn “Bò Đề Quán” trên đường N thuộc địa bàn thành phố M. Vào ngày 01/11/2016, bà G có vay tại Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh T4 số tiền 170.000.000 đồng với thời hạn 12 tháng, đến hạn ngày 01/11/2017 nhưng bà G không có khả năng chi trả. Trong năm 2019, bà G có nhờ L trả nợ hộ tiền ngân hàng, còn bà G hàng tháng sẽ trả cho L 4.000.000 đồng nhưng L không đồng ý. Sau đó, L nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà G nên L nói sẽ đồng ý sẽ trả đủ tiền cho ngân hàng giùm bà G, hàng tháng bà G phải trả cho L 4.000.000 đồng đến khi đủ tiền. Từ tháng 12/2019 đến ngày 18/02/2020 bà G nhiều lần trả cho L được số tiền 18.500.000 đồng và tiếp tục hàng tháng trả tiền cho L, đến tháng 9/2020 trả tiếp được 17.600.000 đồng, số tiền này L tiêu xài cá nhân chứ thực tế không có trả nợ thay cho bà G. Vào tháng 6/2020 Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh T4 khởi kiện bà G. Tại Bản án số 232/2020/DSST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xử buộc bà G phải trả vốn và lãi cho Ngân hàng là 291.505.338 đồng, phải thi hành án phí dân sự sơ thẩm là 14.575.266 đồng, lúc này bà G mới biết L chưa trả tiền Ngân hàng giùm nên đã hỏi L, L đưa cho bà G 02 giấy chứng từ giao dịch nộp tiền (ngày 08/8/2020 và ngày 17/9/2020) thể hiện là L đã nộp tiền tại Ngân hàng TMCP N1, bà G tưởng thật nên đã nộp 02 giấy này cho Tòa án cấp sơ thẩm, đồng thời có đơn kháng cáo xin trả dần.

Để tạo lòng tin nhằm tiếp tục chiếm đoạt tiền của bà G, L đến Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh T4 (V) địa chỉ số A Đ, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang lấy 02 giấy Ủy nhiệm chi rồi đem về nhà ghi ngày 17/9/2020 và ngày 19/11/2021, số tiền nộp 170.000.000 đồng, xong ký tên Phạm Thị Trúc L và đóng dấu hình chữ nhật “ĐÃ THU TIỀN”; đến Ngân hàng N2 – Chi nhánh L2 (A) thuộc xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang lấy 01 giấy nộp tiền đem về nhà tự ghi ngày 24/11/2021 (không thể hiện nội dung thông tin) vào giấy nộp tiền, xong ký tên Phạm Lê Thiên P1 và đóng dấu hình chữ nhật “ĐÃ THU TIỀN” rồi đưa cho bà G. Theo Ly khai, con dấu “ĐÃ THU TIỀN” của L có sẵn trước đây do L có mở doanh nghiệp nên đặt để sử dụng. Bà G tưởng L đã trả nợ Ngân hàng xong nên tiếp tục đưa tiền cho L và cho L biết là còn phải thi hành án đối với phần án phí dân sự sơ thẩm. Lúc này L tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền bà G nên nói sẵn đường đi đến huyện G sẽ đóng án phí giùm, tưởng thật bà G đưa L 14.500.000 đồng. Đồng thời hàng tháng bà G tiếp tục đưa tiền cho L như đã thỏa thuận, tính đến ngày 28/8/2021, L nhận của bà G tất cả là 93.500.000 đồng. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 116/2021/DSPT ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử y án sơ thẩm, buộc bà G phải trả tiền cho Ngân hàng như bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên. Lúc này, bà G yêu

cầu L trả lại tiền nhưng L không trả nên bà G trình báo sự việc đến Công an và nộp những tài liệu L đã đưa cho bà.

Căn cứ Kết luận giám định số 1363 ngày 06/01/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

1. Chữ viết có nội dung “Phạm Lê Thiên P1” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết đứng tên “Phạm Thị Trúc L” trên mẫu M1, M2, M3, M4 do cùng một người viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên “Phạm Lê Thiên P1” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký mang tên “Phạm Thị Trúc L” trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2, M3, M4 có phải do cùng một người ký ra hay không.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký dưới mục “Giao dịch viên” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký mang tên “Phạm Thị Trúc L” trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2, M3, M4 có phải do cùng một người ký ra hay không.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký trên tài liệu ký hiệu A2 (trừ dòng chữ “Phạm Thị Trúc L 01/05/2022”) so với chữ viết đứng tên “Phạm Thị Trúc L” trên tài liệu mẫu M1, M2, M3, M4 có phải do cùng một người viết ra hay không.

3. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 (trừ dòng chữ “Phạm Thị Trúc L 01/05/2022”) so với chữ viết đứng tên “Phạm Thị Trúc L” trên tài liệu mẫu M1, M2, M3, M4 có phải do cùng một người viết ra hay không.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký nằm phía trên hình dấu họ tên “Phạm Thị Trúc L” trên tài liệu ký hiệu A3 so với chữ ký mang tên “Phạm Thị Trúc L” trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2, M3, M4 có phải do cùng một người ký ra hay không.

4. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết, chữ ký mang tên “Phạm Thị Trúc L” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ viết, chữ ký đứng tên “Phạm Thị Trúc L” trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2, M3, M4 có phải do cùng một người viết, ký ra hay không.

5. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết, chữ ký mang tên “Phạm Thị Trúc L” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A5 so với chữ viết, chữ ký đứng tên “Phạm Thị Trúc L” trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2, M3, M4 có phải do cùng một người viết, ký ra hay không.

Căn cứ Kết luận giám định số 142 ngày 20/02/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

1. Không đủ cơ sở kết luận phôi “GIẤY NỘP TIỀN” liên 2 (ký hiệu A1) là thật hay giả.

Hình dấu có nội dung: “ĐÃ THU TIỀN” trên “GIẤY NỘP TIỀN” liên 2 (ký hiệu A1) so với hình dấu có nội dung: “ĐÃ THU TIỀN” trên tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2, M3, M4) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận phôi “CHỨNG TỪ GIAO DỊCH-ỦY NHIỆM CHI” (ký hiệu A2) là thật hay giả.

3. Không đủ cơ sở kết luận phôi “CHỨNG TỪ GIAO DỊCH-ỦY NHIỆM CHI” (ký hiệu A3) là thật hay giả.

Hình dấu có nội dung: “ĐÃ THU TIỀN” trên “CHỨNG TỪ GIAO DỊCH-ỦY NHIỆM CHI” (ký hiệu A3) so với hình dấu do Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh T4 cung cấp trên tài liệu mẫu (ký hiệu M2) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Căn cứ Kết luận giám định số 243 ngày 07/4/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

1. 02 mẫu giấy “CHỨNG TỪ GIAO DỊCH – GIẤY NỘP TIỀN – DEPOSIT SLIP” (ký hiệu A1, A2) là mẫu giấy thật.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên “Phạm Lê Thiên P1” “Phạm Thị Trúc L” trên 02 giấy “CHỨNG TỪ GIAO DỊCH – GIẤY NỘP TIỀN-DEPOSIT SLIP” (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký đứng tên “Phạm Thị Trúc L” trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M6 đến M8 có phải do cùng một người ký ra không.

3. Chữ viết trên “CHỨNG TỪ GIAO DỊCH – GIẤY NỘP TIỀN – DEPOSIT SLIP” (ký hiệu A1, A2) so với chữ viết đứng tên “Phạm Thị Trúc L” trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M6 đến M8 do cùng một người viết ra.

Vụ thứ 2: Mặc dù không sở hữu tài sản nhà, đất tại thành phố M nhưng khoảng giữa tháng 6/2020 Phạm Thị Trúc L (đang ở trọ nhà số A Đ, khu phố C, Phường D, thành phố M) biết bà Nguyễn Thị Bạch M có nhu cầu mua nhà giá dưới 300.000.000 đồng nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà M thông qua hình thức mua bán nhà để tiêu xài cá nhân. Qua tiếp xúc với bà M, thì L giới thiệu tên là Phạm Lê Thiên P1 cần bán căn nhà tại hẻm A đường Đ, Phường D, thành phố M (gần nơi L ở trọ) với giá 260.000.000 đồng. L dẫn bà M đến xem căn nhà không số trong hẻm A, đường Đ, Phường D, thành phố M (thửa đất 364, tờ bản đồ số 05, khu phố C, Phường D, thành phố M) của chị Nguyễn Thị Hồng X1 đứng tên sở hữu nên bà M đồng ý mua và đưa trước cho L 15.000.000 đồng. Đến ngày 02/7/2020 thì làm Hợp đồng đặt cọc có nội dung “bán căn nhà số B hẻm A Đ, phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang”, số nhà này do L tự đặt ra. Trong hợp đồng, bên đặt cọc do Huỳnh Nguyễn Ngọc T1 (con ruột, ngụ cùng địa chỉ bà M) đứng tên, bên nhận đặt cọc tên Phạm Lê Thiên P1, sinh năm 1988, ngụ ấp L, T, T, Đồng Tháp, thỏa thuận đến tháng 9/2020 thì đặt cọc 160.000.000 đồng, khi ra công chứng lập hợp đồng mua bán thì trả đủ tiền, lúc này bà M đưa thêm số tiền 60.000.000 đồng. Khi lập hợp đồng, L đưa Giấy chứng minh nhân dân giả tên Phạm Lê Thiên P1 cho bà M xem để ghi thông tin trong hợp đồng. Theo Ly khai Giấy chứng minh nhân dân giả này L đặt mua của T2 (không rõ họ, địa chỉ) qua mạng xã hội Z vào 4/2020 với giá 500.000 đồng. L cung cấp số chứng minh nhân dân và địa chỉ thật của L nhưng tên là Phạm Lê Thiên P1, còn ảnh thì T2 lấy từ ảnh đại diện trên mạng Zalo của L. Đến tháng 7/2020 thì bà M đã đưa cho L 160.000.000 đồng.

Khi nhận đủ tiền cọc, L truy cập mạng internet tìm kiếm mẫu “Phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký, cấp giấy chứng nhận” số 127/Liên I rồi tải về điện thoại, đến tiệm photocopy in và tự điền thông tin vào mẫu, lấy dấu tên Nguyễn Tấn H đóng vào vị trí người nhận kết quả ngày 30/7/2020 của P2 rồi đưa cho bà M (dấu tên này Ly khai do đặt dấu tên trước đó nhưng lấy nhầm dấu tên Nguyễn Tấn H). Ngoài ra, L đến Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh T4 xin mẫu “GIẤY NỘP TIỀN – DEPOSIT SLIP” sau đó điền thông tin thể hiện Huỳnh Nguyễn Ngọc T1 đã nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng nội dung đóng thuế thu nhập cá nhân số tiền 2.600.000 đồng vào ngày 24/8. Những nội dung thông tin về số tài khoản, tên tài khoản, địa chỉ trên giấy nộp tiền do L tự đặt ra và ghi vào giấy, tự ký tên vào vị trí Kiểm soát, Thanh toán viên sau đó cung cấp cho bà M để tiếp tục chiếm đoạt tiền. Sau đó, bà M đưa L 3.000.000 đồng để làm thủ tục chuyển nhượng nhưng không thấy L tiến hành nên bà M tìm hiểu thì được biết căn nhà mà L bán không phải của L, đến tháng 9/2020 bà M nhiều lần đòi lại tiền cọc.

Để chứng minh cho bà M biết là L có tài sản để trả nợ nên L tiếp tục thông qua mạng xã hội Zalo cung cấp tên giả Phạm Lê Thiên P1, sinh năm 1988, địa chỉ ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đặt T2 làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT109317 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp mang tên Phạm Lê Thiên P1 với giá 3.000.000 đồng. Sau khi nhận được L giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà M để làm tin. Do nghi ngờ bị lừa đảo nên bà M đến tỉnh Đồng Tháp tìm hiểu, sau đó đến Công an P3, thành phố M tố giác vụ việc.

- Căn cứ Kết luận giám định số 274 ngày 16/3/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Giấy chứng minh nhân dân số 341528751, họ tên Phạm Lê Thiên P1 cần giám định ký hiệu A là giả.

- Căn cứ Kết luận giám định số 225 ngày 17/3/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

1. Phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 109317 mang tên Phạm Lê Thiên P1, năm sinh 1988, CMND số 341528751, địa chỉ thường trú huyện T, tỉnh Đồng Tháp, ghi năm 2019 (ký hiệu A) là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

2. Chữ ký mang tên Huỳnh Văn N – Phó Giám đốc trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Huỳnh Văn N trên tài liệu mẫu ký hiệu M không phải do cùng một người ký ra.

3. Hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM – TỈNH ĐỒNG THÁP – SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A là giả, được tạo ra bằng phương pháp in lưới.

Đối với “Phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký cấp giấy chứng nhận” số 127/Liên I do Sở T cấp mà L đưa cho bà M. Tại văn bản số 1446 ngày 12/4/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang xác định: Không phát hành Phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký, cấp giấy chứng nhận cho hộ

gia đình, cá nhân. Đồng thời tại thời điểm tháng 7/2020 Sở T không có cán bộ tên Nguyễn Tấn H.

- Căn cứ Kết luận giám định số 827 ngày 05/5/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

Không đủ cơ sở kết luận mẫu giấy “CHỨNG TỪ GIAO DỊCH – GIẤY NỘP TIỀN – DEPOSIT SLIP” (ký hiệu A1) và mẫu giấy “PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN” (ký hiệu A2) là thật hay giả.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký và chữ viết trên giấy “CHỨNG TỪ GIAO DỊCH – GIẤY NỘP TIỀN – DEPOSIT SLIP” (ký hiệu A1) và mẫu giấy “PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN” (ký hiệu A2) so với chữ ký, chữ viết đứng tên “Phạm Thị Trúc L” trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M3 có phải do cùng một người ký và viết ra không.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 Giấy nộp tiền ngày 24/11/2021 của Ngân hàng A (bản chính);
- 01 Giấy nộp tiền ngày 08/8/2020 của Ngân hàng V (bản photo);
- 01 giấy chứng từ giao dịch Ủy nhiệm chi ngày 17/9/2020 của Ngân hàng V (bản chính);
- 01 giấy chứng từ giao dịch Ủy nhiệm chi ngày 17/9/2020 của Ngân hàng V (bản photo);
- 01 giấy chứng từ giao dịch Ủy nhiệm chi ngày 17/9/2020 của Ngân hàng V (bản photo);
- 01 giấy chứng từ giao dịch Ủy nhiệm chi ngày 19/11/2021 của Ngân hàng V (bản chính);
- 01 Quyển sổ nhận tiền ký nhận tên P1 do bà Nguyễn Thị G giao nộp;
- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 341528751 tên Phạm Lê Thiên P1 (bản photo);
- 01 Giấy cam đoan đứng tên Phạm Lê Thiên P1 (photo);
- 01 bản chính Giấy chứng minh nhân dân số 341528751 tên Phạm Thị Trúc L;
- 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 109317 tên Phạm Lê Thiên P1 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp năm 2019 (không có ngày, tháng);
- 01 bản chính Giấy chứng minh nhân dân số 341528751 tên Phạm Lê Thiên P1;
- Phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký cấp giấy chứng nhận số 127 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang cấp (bản sao);

- 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL980682 tên Lê Thị Kim T3 thửa đất số 364, tờ bản đồ số 05, địa chỉ Khu phố C, Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, diện tích 26m<sup>2</sup> (đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Hồng X1);

Đối với con dấu “Đã thu tiền” Ly khai sau khi sử dụng đã bỏ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2023/HS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Trúc L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm c, d khoản 2 Điều 341; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Trúc L 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 22/9/2022.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, bị cáo Phạm Thị Trúc L có đơn kháng cáo với nội dung: xin được giảm nhẹ hình phạt.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Bị cáo Phạm Thị Trúc L thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung án sơ thẩm đã nêu trên, bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không cung cấp chứng cứ mới.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang trình bày:* Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo Phạm Thị Trúc L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm c, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan, sai. Đồng thời khi quyết định hình phạt Tòa sơ thẩm cũng đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo, mức hình phạt Tòa sơ thẩm đã tuyên là đã tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết nào mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bị cáo là trong hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xem xét lại tại cấp phúc thẩm.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thành phố M đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị Trúc L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung án sơ thẩm đã nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác tại hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến ngày 28/8/2021, tại Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, Phạm Thị Trúc L dùng thủ đoạn gian dối nhiều lần chiếm đoạt của hai bị hại số tiền 256.500.000 đồng, trong đó: hứa trả hộ thay tiền vay ngân hàng, đóng giùm án phí dân sự sơ thẩm đã chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị G số tiền 93.500.000 đồng; làm giả 02 tài liệu (01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) rồi sử dụng 02 tài liệu này để tạo lòng tin lừa đảo bán căn nhà nhưng không thuộc quyền sở hữu của mình để chiếm đoạt số tiền 163.000.000 đồng của bị hại Nguyễn Thị Bạch M.

Với các hành vi trên, Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo Phạm Thị Trúc L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm c, d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan, sai.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, xét: Khi quyết định hình phạt Tòa sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cụ thể:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại M, có cậu là liệt sĩ, có ông bà ngoại là người có công với cách mạng, tại phiên tòa sơ thẩm người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm



hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Tòa sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết nào mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

[4] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Trúc L. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2023/HSST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Trúc L phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Trúc L 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2.2. Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Trúc L 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2.3. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phạm Thị Trúc L phải chấp hành chung cho cả 02 tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 22/9/2022.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Thị Trúc L để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Thị Trúc L phải nộp 200.000 đồng.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND thành phố M;
- VKSND thành phố M;
- Công an thành phố M;
- THADS thành phố M;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Ánh Phương**